

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LINH NGỌC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LINH NGỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINH NGOC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107810247

3. Ngày thành lập: 26/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 19 ngách 97/17 phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.38733823

Fax: 04.38733823

Email: linhngoc.jsc.2017@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
2.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
3.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
4.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
5.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
6.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
7.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
8.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
9.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
12.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
13.	Thu gom rác thải độc hại	3812
14.	Tái chế phế liệu Chi tiết: -Tái chế phế liệu kim loại -Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
16.	Trồng cây ăn quả	0121

17.	Trồng cây điều	0123
18.	Trồng cây hồ tiêu	0124
19.	Trồng cây cà phê	0126
20.	Trồng cây chè	0127
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (Trừ loại Nhà nước cấm)	0128
22.	Chăn nuôi gia cầm	0146
23.	Chăn nuôi khác	0149
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật)	0161
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không bao gồm dịch vụ thú y)	0162
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
32.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
34.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
35.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
36.	Sao chép bản ghi các loại	1820
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
39.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
40.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (Trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	2420
41.	Đúc sắt, thép	2431
42.	Đúc kim loại màu	2432
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
44.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
45.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
46.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
47.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
49.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
50.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
51.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

52.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
55.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
56.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
57.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
58.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
59.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
60.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Xây dựng công trình công ích	4220
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp trừ nhà cửa - Xây dựng các công trình dân dụng	4290
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
69.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4330
71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn thiết bị nội thất, ngoại thất lắp đặt trong xây dựng - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn thép - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;	4663

74.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu - Bán buôn hóa chất khác (Trừ hóa chất Nhà nước cấm)	4669
75.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
76.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
77.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
79.	Cho thuê xe có động cơ	7710
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
84.	Giáo dục nghề nghiệp Dạy nghề	8532

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MẶN	Số 59 ngõ 99 phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	038151000237	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
2	VŨ THỊ HỒNG MINH	Số 60 ngách 66/68 đường Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	012586476	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

3	VŨ ĐÌNH THẮNG	Số 24 ngách 97/17 phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	011950171	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ ĐÌNH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 0011950171

Ngày cấp: 02/05/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 ngách 97/17 phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 24 ngách 97/17 phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội